

**KẾT QUẢ XẾP GIẢI KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP TRƯỜNG
NĂM HỌC 2025-2026**

TT	TTP	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Môn thi	Khối thi	Xếp giải	Ghi chú
1	1	DL1203	Phạm Băng Như	11B01	Địa lí	12	Nhất	
2	2	DL1201	Lê Hồng Đức	11B03	Địa lí	12	Nhì	
3	3	DL1202	Hoàng Thị Thảo Nguyên	11B06	Địa lí	12	Ba	
4	1	PL1203	Nguyễn Như Ý Niê	10C11	GDKT&PL	12	Nhì	
5	2	PL1201	Phan Nguyễn Bảo Ngọc	10C12	GDKT&PL	12	Ba	
6	3	PL1202	Nguyễn Yến Vy	10C12	GDKT&PL	12	Ba	
7	1	HH1204	Phạm Minh Thông	12A02	Hóa học	12	Nhì	
8	2	HH1205	Nguyễn Hoàng Vũ	11B07	Hóa học	12	Ba	
9	3	HH1202	Nguyễn Trương Gia Huy	12A03	Hóa học	12	Ba	
10	4	HH1203	Phạm Nguyễn Tuấn Minh	11B07	Hóa học	12	Ba	
11	5	HH1201	Nguyễn Thị Thảo Anh	11B07	Hóa học	12	KK	
12	1	LS1201	Võ Thùy Anh	12A09	Lịch sử	12	Nhất	
13	2	LS1203	Văn Thị Lam	11B08	Lịch sử	12	Ba	
14	3	LS1206	Lê Nguyễn Anh Vũ	11B02	Lịch sử	12	KK	
15	4	LS1202	Nguyễn Quỳnh Anh	12A07	Lịch sử	12	KK	
16	5	LS1205	Nguyễn Ngọc Thuận	11B06	Lịch sử	12	KK	
17	1	NV1208	Nguyễn Ngọc Như Ý	12A07	Ngữ văn	12	Nhất	
18	2	NV1204	Nguyễn Vũ Hà Linh	11B02	Ngữ văn	12	Nhì	
19	3	NV1201	Lê Nguyễn Thùy Dương	10C12	Ngữ văn	12	Ba	
20	4	NV1205	Nguyễn Bùi Đông Phương	11B08	Ngữ văn	12	Ba	
21	5	NV1206	Nguyễn Hà Bảo Trâm	12A03	Ngữ văn	12	Ba	
22	6	NV1207	Trần Tường Vy	10C06	Ngữ văn	12	KK	
23	7	NV1202	H Vũ Hội Niê	10C07	Ngữ văn	12	KK	
24	1	SH1204	Hồ Thị Thanh Mỹ	12A01	Sinh học	12	Nhì	
25	2	SH1203	Lê Đức Mạnh	11B07	Sinh học	12	Ba	
26	3	SH1205	Nguyễn Đức Anh Thuận	12A02	Sinh học	12	Ba	
27	4	SH1201	Đặng Quốc An	11B07	Sinh học	12	KK	
28	5	SH1206	Hà Nguyễn Anh Trúc	12A06	Sinh học	12	KK	

TT	TTP	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Môn thi	Khối thi	Xếp giải	Ghi chú
29	6	SH1207	Phạm Huy Vũ	11B07	Sinh học	12	KK	
30	7	SH1202	Phạm Thị Tuyết Liên	10C05	Sinh học	12	KK	
31	1	TA1204	Phạm Nguyễn Hà Ngân	12A07	Tiếng Anh	12	Nhất	
32	2	TA1206	Vũ Nguyễn Thiên Ngân	11B08	Tiếng Anh	12	Nhì	
33	3	TA1201	Đào Niê Thiên Di	12A07	Tiếng Anh	12	Nhì	
34	4	TA1203	Phạm Quang Minh Khuê	12A07	Tiếng Anh	12	Ba	
35	5	TA1205	Nguyễn Hà Ngân	11B01	Tiếng Anh	12	KK	
36	6	TA1207	Nguyễn Thảo Nguyên	11B01	Tiếng Anh	12	KK	
37	7	TA1202	Nguyễn Thị Trà Giang	11B08	Tiếng Anh	12	KK	
38	1	TH1205	Nguyễn Trần Chí Phước	11B07	Tin học	12	Nhất	
39	2	TH1202	Vũ Hoàng Tùng Duy	12A03	Tin học	12	Nhì	
40	3	TH1201	Nguyễn Hoàng Chí Dũng	12A03	Tin học	12	Nhì	
41	4	TH1203	Mai Đức Hưng	12A03	Tin học	12	Ba	
42	5	TH1204	Nguyễn Đình Xuân Phát	12A04	Tin học	12	Ba	
43	6	TH1206	Phạm Hữu Quý	11B08	Tin học	12	Ba	
44	7	TH1207	Lê Thế Gia Uy	11B07	Tin học	12	KK	
45	1	TO1202	Lê Văn Hải	12A01	Toán	12	Nhì	
46	2	TO1204	Nguyễn Công Minh Quân	12A01	Toán	12	KK	
47	1	VL1204	Bùi Lê Đức Thịnh	12A01	Vật lí	12	Nhất	
48	2	VL1201	Ngô Ngọc Ánh	11B04	Vật lí	12	Nhì	
49	3	VL1203	Nguyễn Hoàng Thanh	11B10	Vật lí	12	Ba	
50	1	DL1101	Lê Hồng Đức	11B03	Địa lí	11	Nhì	
51	2	DL1102	Hoàng Thị Thảo Nguyên	11B06	Địa lí	11	Ba	
52	3	DL1103	Phạm Băng Như	11B01	Địa lí	11	Ba	
53	1	PL1103	Đặng Thanh Thảo	11B04	GDKT&PL	11	Nhất	
54	2	PL1104	Phạm Phương Vy	11B04	GDKT&PL	11	Nhì	
55	3	PL1101	Nguyễn Kim Huyền	11B01	GDKT&PL	11	Ba	
56	4	PL1102	Nguyễn Đình Đại Lộc	11B04	GDKT&PL	11	KK	
57	1	HH1103	Nguyễn Hoàng Vũ	11B07	Hóa học	11	Nhì	
58	2	HH1102	Phạm Nguyễn Tuấn Minh	11B07	Hóa học	11	Ba	
59	1	LS1104	Nguyễn Ngọc Thuận	11B06	Lịch sử	11	Nhì	
60	2	LS1101	Văn Thị Lam	11B08	Lịch sử	11	Ba	

TT	TTP	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Môn thi	Khối thi	Xếp giải	Ghi chú
61	3	LS1105	Lê Nguyễn Anh Vũ	11B02	Lịch sử	11	Ba	
62	1	NV1102	Nguyễn Vũ Hà Linh	11B02	Ngữ văn	11	Nhì	
63	2	NV1103	Nguyễn Bùi Đông Phương	11B08	Ngữ văn	11	Ba	
64	3	NV1101	Nguyễn Thị Huyền	11B03	Ngữ văn	11	KK	
65	1	SH1103	Lê Đức Mạnh	11B07	Sinh học	11	Nhất	
66	2	SH1101	Đặng Quốc An	11B07	Sinh học	11	Nhì	
67	3	SH1105	Phạm Huy Vũ	11B07	Sinh học	11	Ba	
68	4	SH1104	Nguyễn Thị Khánh Uyên	11B07	Sinh học	11	Ba	
69	5	SH1102	Đỗ Hoàng Duy Khoa	11B07	Sinh học	11	Ba	
70	1	TA1104	Vũ Nguyễn Thiên Ngân	11B08	Tiếng Anh	11	Nhất	15.5
71	2	TA1103	Nguyễn Hà Ngân	11B01	Tiếng Anh	11	Nhì	13.3
72	3	TA1101	Đỗ Hà Anh	11B01	Tiếng Anh	11	Ba	11.5
73	4	TA1105	Nguyễn Thảo Nguyên	11B01	Tiếng Anh	11	Ba	11.3
74	5	TA1102	Nguyễn Thị Trà Giang	11B08	Tiếng Anh	11	Ba	10.3
75	6	TA1106	Phạm Hữu Phú	11B06	Tiếng Anh	11	KK	8
76	1	TH1101	Nguyễn Trần Chí Phước	11B07	Tin học	11	Nhất	
77	2	TH1102	Phạm Hữu Quý	11B08	Tin học	11	Nhì	
78	3	TH1103	Lê Thế Gia Uy	11B07	Tin học	11	Ba	
79	1	TO1102	Nguyễn Khôi Nguyên	11B08	Toán	11	Nhất	
80	2	TO1103	Trần Nguyễn Minh Nhật	11B08	Toán	11	Nhì	
81	3	TO1101	Đỗ Thị Ngọc Lan	11B08	Toán	11	Ba	
82	1	VL1101	Ngô Ngọc Ánh	11B04	Vật lí	11	Nhất	
83	2	VL1103	Nguyễn Hoàng Thanh	11B10	Vật lí	11	Nhì	
84	1	DL1002	Nguyễn Thị Hồng Thắm	10C12	Địa lí	10	Nhất	
85	2	DL1004	Nguyễn Viết Tiến	10C12	Địa lí	10	Nhì	
86	3	DL1003	Nguyễn Khánh Thy	10C12	Địa lí	10	Nhì	
87	4	DL1001	Lưu Gia Hân	10C12	Địa lí	10	Ba	
88	5	DL1006	Đỗ Thị Ngọc Tuyết	10C12	Địa lí	10	Ba	
89	6	DL1005	Nguyễn Lê Đình Toàn	10C12	Địa lí	10	KK	
90	1	PL1002	Vũ Phạm Ngọc Châu	10C12	GD&ĐT&PL	10	Nhất	
91	2	PL1003	Vũ Phạm Bảo Châu	10C12	GD&ĐT&PL	10	Nhì	
92	3	PL1005	Nguyễn Gia Huy	10C10	GD&ĐT&PL	10	Ba	

TT	TTP	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Môn thi	Khối thi	Xếp giải	Ghi chú
93	4	PL1006	Lê Nguyễn Anh Thư	10C12	GDKT&PL	10	Ba	
94	5	PL1004	Huỳnh Kim Huệ	10C12	GDKT&PL	10	Ba	
95	6	PL1001	Phạm An An	10C10	GDKT&PL	10	KK	
96	1	HH1002	Lê Thị Mỹ Chi	10C01	Hóa học	10	Nhất	
97	2	HH1001	Nguyễn Kim An	10C03	Hóa học	10	Ba	
98	3	HH1003	Nguyễn Võ Minh Thành	10C03	Hóa học	10	KK	
99	1	LS1004	Lưu Gia Nhiên	10C12	Lịch sử	10	Nhất	
100	2	LS1001	Đoàn Hoàng Trúc Anh	10C05	Lịch sử	10	KK	
101	3	LS1003	Nguyễn Gia Minh	10C12	Lịch sử	10	KK	
102	4	LS1002	Đào Diệu Chi	10C12	Lịch sử	10	KK	
103	1	NV1013	Trần Tường Vy	10C06	Ngữ văn	10	Nhất	
104	2	NV1001	Phùng Thị Kiều Anh	10C08	Ngữ văn	10	Nhì	
105	3	NV1012	Nguyễn Thị Thùy Trâm	10C12	Ngữ văn	10	Ba	
106	4	NV1003	Trần Phạm Thùy Chi	10C02	Ngữ văn	10	Ba	
107	5	NV1004	Lê Nguyễn Thùy Dương	10C12	Ngữ văn	10	Ba	
108	6	NV1005	Nguyễn Lê Yên Hà	10C12	Ngữ văn	10	Ba	
109	7	NV1008	H Vũ Hội Niê	10C07	Ngữ văn	10	Ba	
110	8	NV1006	Nguyễn Võ Ngọc Hà	10C12	Ngữ văn	10	KK	
111	9	NV1010	Nguyễn Đắc Nhân Tâm	10C06	Ngữ văn	10	KK	
112	1	SH1001	Phạm Thị Tuyết Liên	10C05	Sinh học	10	Nhất	
113	2	SH1003	Ngô Ngọc Thảo Viên	10C05	Sinh học	10	Ba	
114	3	SH1002	Trương Thị Trà My	10C05	Sinh học	10	Ba	
115	1	TA1002	Nguyễn Vũ Trang Anh	10C12	Tiếng Anh	10	Nhất	
116	2	TA1003	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	10C08	Tiếng Anh	10	Nhì	
117	3	TA1006	Phạm Thái Minh Phúc	10C05	Tiếng Anh	10	Ba	
118	4	TA1004	Phạm Nhật Minh	10C05	Tiếng Anh	10	Ba	
119	5	TA1007	Lê Nguyễn Hà Phương	10C06	Tiếng Anh	10	Ba	
120	6	TA1001	Nguyễn Hiếu An	10C11	Tiếng Anh	10	KK	
121	7	TA1008	Lê Hoàng Tuấn	10C05	Tiếng Anh	10	KK	
122	8	TA1005	Bùi Thị Bảo Ngọc	10C08	Tiếng Anh	10	KK	
123	1	TH1001	Vũ Văn Hải	10C05	Tin học	10	Nhất	
124	2	TH1002	Hoàng Minh Hiếu	10C05	Tin học	10	Nhì	

TT	TTP	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Môn thi	Khối thi	Xếp giải	Ghi chú
125	1	TO1006	Cao Duy Bảo Tín	10C05	Toán	10	Ba	
126	2	TO1003	Nguyễn Lê Minh Đức	10C05	Toán	10	Ba	
127	3	TO1002	Cao Thị Tuyết Châu	10C05	Toán	10	KK	
128	4	TO1004	Hoàng Trọng Nguyên	10C04	Toán	10	KK	
129	1	VL1005	Nguyễn Nữ Khánh Trang	10C05	Vật lí	10	Nhì	
130	2	VL1001	Đặng Đào Quỳnh Anh	10C05	Vật lí	10	Ba	
131	3	VL1003	Nguyễn Quang Minh	10C05	Vật lí	10	KK	

Danh sách này có 151 thí sinh đăng ký thi, đạt giải: 131 (86.75%) thí sinh.

Trong đó: Giải Nhất: 20 (13.25%); Giải Nhì: 28 (18.54%); Giải Ba: 51 (33.77%); Giải KK: 32 (21.19%).

Ea Kar, ngày 06 tháng 02 năm 2026

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
HIỆU TRƯỞNG**

NGƯỜI TỔNG HỢP

Nguyễn Đức Khanh

Phạm Thị Dinh